**Mẫu số 02h1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC**

*SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
INDEPENDENCE - FREEDOM - HAPPINESS*

**BỘ NGOẠI GIAO**

**MINISTRY OF FOREIGN AFFAIRS**

**SỔ ĐỊNH MỨC MIỄN THUẾ**

**QUOTA BOOK FOR DUTY FREE GOODS**

***Số sổ: .................................*CQ/................................**

***Số quản lý:..................................***

***Số sổ đã được cấp:............................................................***

***Số quản lý: ................................................***

**Sổ cơ quan**

***(Office book)***

**HƯỚNG DẪN**

1. Sổ định mức miễn thuế được sử dụng để mua hàng miễn thuế tại các cửa hàng miễn thuế ở Việt Nam trong 03 năm.

2. Sổ định mức miễn thuế được sử dụng khi người được cấp sổ tự nhập khẩu hay ủy thác nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam.

3. Khi mua hàng tại cửa hàng miễn thuế ở Việt Nam, người mua hàng xuất trình:

a) Sổ định mức miễn thuế.

b) Hộ chiếu hoặc chứng minh thư do Cục Lễ tân Nhà nước - Bộ Ngoại giao cấp.

c) Công hàm đề nghị mua hàng.

4. Khi mất Sổ, cơ quan được cấp Sổ cần thông báo ngay cho Cục Lễ tân Nhà nước - Bộ Ngoại giao.

5. Khi thay Sổ mới, cơ quan được cấp Sổ phải gửi trả Sổ định mức miễn thuế này về Cục Lễ tân Nhà nước - Bộ Ngoại giao.

6. Sổ này gồm 11 trang được đánh số từ trang 1 đến trang 11 (trừ trang bìa), được in trên khổ A5, trang bìa có màu đỏ.

7. Sổ này kèm phụ lục tem rượu, bia, thuốc lá.

8. Bộ Tài chính in, phát hành, quản lý, sử dụng Sổ định mức miễn thuế.

**INSTRUCTION**

1. The quota book is used to purchase commodities at Duty Free Shops in Vietnam within 03 years.

2. The quota book is also used when the user of the quota book (the person to whom the quota book is issued) imports commodities by himself/herself or authorizes the other import commodities into Vietnam.

3. To purchase commodities at Duty Free Shops in Vietnam, the followings are presented:

a. The quota book.

b. Passport or I.D Card which is granted by the Directorate of State Protocol Ministry of Foreign Affairs.

c. Letter of recommendation.

4. If the book is lost, the user is requested to inform immediately to the Directorate of State Protocol - Ministry of Foreign Affairs.

5. If change the book, the user should return the quota book to the Directorate of State Protocol - Ministry of Foreign Affairs.

6. This book includes 11 pages, numbered from 1 to 11 (except for the cover page) and printed on A5 size; the cover page is red.

7. This book is attached with stamps of alcohol, beer and cigarettes.

8. The Ministry of Finance prints, issues, manages and uses the quota book.

**Xác nhận của cơ quan sở hữu Sổ định mức miễn thuế:**

Cơ quan/Mission: ..................................................................................................................

Địa chỉ/Address: ..................................................................................................................

Điện thoại/Telephone: .............................................................................................................

Số lượng biên chế của cơ quan/Number of staff members: ...................................................

|  |  |
| --- | --- |
|   | *..., ngày ... tháng ... năm ...***Người đứng đầu cơ quan**(Ký tên, đóng dấu)The Head of Mission(Signed and Sealed) |

**XÁC NHẬN CỦA CỤC LỄ TÂN NHÀ NƯỚC BỘ NGOẠI GIAO VỀ THÂN PHẬN VÀ TIÊU CHUẨN MUA HÀNG MIỄN THUẾ**

Certification of the Directorate of State Protocol

Cơ quan: ……………………………………………………………………………………

Mission

Số lượng người: ……………………………………………………………………………………

Number of Staff Members

Được hưởng ưu đãi miễn trừ theo Nghị định số 73/CP ngày 30-07-1994 của Chính phủ

Enjoys the privileges and immunities under the Decree No. 73/CP dated 30 July 1994

Từ ngày/from: ……………………………………………………………………………………

Đến ngày/to: ……………………………………………………………………………………

Danh mục và định lượng được nhập khẩu, tạm nhập khẩu, mua hàng miễn thuế theo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ gồm:

The list and quota of duty-free goods allowed to be imported, temporarily imported, purchased pursuant to Government’s Decree No. 134/2016/ND-CP dated 01 September 2016 which was amended and supplemented by Government’s Decree No. 18/2021/ND-CP dated 11 March 2021 consist of:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. | Ô tô/Automobile | …………….. Chiếc/vehicle(s) |
| 2. | Xe hai bánh gắn máy/Motorcycle | ……………. Chiếc/vehicle(s) |
| 3. | Rượu/Wine, alcohol | …………. Lít/Quý/liter(s)/quarter |
| 4. | Bia/Beer |  Lít/Quý/liter(s)/quarter |
| 5. | Thuốc lá/Cigarette | ………… Tút/Quý/carton(s)/quarter |

|  |  |
| --- | --- |
|   | *Hà Nội, ngày …… tháng ……. năm…….***Cục trưởng Cục Lễ tân Nhà nước**Chief of State Protocol |

**THAY ĐỔI VỀ TIÊU CHUẨN MUA HÀNG MIỄN THUẾ CỦA CƠ QUAN SỞ HỮU SỔ**

**CHANGE OF QUOTA OF DUTY-FREE GOODS**

Danh mục và định lượng được nhập khẩu, tạm nhập khẩu, mua hàng miễn thuế theo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ thay đổi do:

The list and quota of duty-free goods allowed to be imported, temporarily imported, purchased pursuant to Government’s Decree No. 134/2016/ND-CP dated 01 September 2016 which was amended and supplemented by Government’s Decree No. 18/2021/ND-CP dated 18 March 2021 have changed due to:

Do tăng/giảm số lượng biên chế của cơ quan/Increase/decrease of staff members: ………….tổng số/Total: ………..

Do đã thanh lý (tái xuất, chuyển nhượng, tiêu hủy)/Re-export, transfer, destruction of …………. xe ô tô/Automobiles; ………….xe hai bánh gắn máy/Motorcycles

Gồm/Consisting of:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. | Ô tô/Automobile | …………. Chiếc/vehicle(s) |
| 2. | Xe hai bánh gắn máy/Motorcycle | …………… Chiếc/vehicle(s) |
| 3. | Rượu/Wine, alcohol |  ………Lít/Quý/liter(s)/quarter |
| 4. | Bia/Beer |  ……….Lít/Quý/liter(s)/quarter |
| 5. | Thuốc lá/Cigarette |  ………Tút/Quý/carton(s)/quarter |

|  |  |
| --- | --- |
|   | *Hà Nội, ngày …… tháng ……. năm…….***Cục trưởng Cục Lễ tân Nhà nước**Chief of State Protocol |

**THAY ĐỔI VỀ TIÊU CHUẨN MUA HÀNG MIỄN THUẾ CỦA CƠ QUAN SỞ HỮU SỔ**

**CHANGE OF QUOTA OF DUTY-FREE GOODS**

Danh mục và định lượng được nhập khẩu, tạm nhập khẩu, mua hàng miễn thuế theo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ thay đổi do:

The list and quota of duty-free goods allowed to be imported, temporarily imported, purchased pursuant to Government’s Decree No. 134/2016/ND-CP dated 01 September 2016 which was amended and supplemented by Government’s Decree No. 18/2021/ND-CP dated 11 March 2021 have changed due to:

Do tăng/giảm số lượng biên chế của cơ quan/Increase/decrease of staff members: ………….tổng số/Total: ………..

Do đã thanh lý (tái xuất, chuyển nhượng, tiêu hủy)/Re-export, transfer, destruction of …………. xe ô tô/Automobiles; ………….xe hai bánh gắn máy/Motorcycles

Gồm/Consisting of:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. | Ô tô/Automobile | …………. Chiếc/vehicle(s) |
| 2. | Xe hai bánh gắn máy/Motorcycle | …………… Chiếc/vehicle(s) |
| 3. | Rượu/Wine, alcohol |  ………Lít/Quý/liter(s)/quarter |
| 4. | Bia/Beer |  ……….Lít/Quý/liter(s)/quarter |
| 5. | Thuốc lá/Cigarette |  ………Tút/Quý/carton(s)/quarter |

|  |  |
| --- | --- |
|   | *Hà Nội, ngày …… tháng ……. năm…….***Cục trưởng Cục Lễ tân Nhà nước**Chief of State Protocol |

**THAY ĐỔI VỀ TIÊU CHUẨN MUA HÀNG MIỄN THUẾ CỦA CƠ QUAN SỞ HỮU SỔ**

**CHANGE OF QUOTA OF DUTY-FREE GOODS**

Danh mục và định lượng được nhập khẩu, tạm nhập khẩu, mua hàng miễn thuế theo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ thay đổi do:

The list and quota of duty-free goods allowed to be imported, temporarily imported, purchased pursuant to Government’s Decree No. 134/2016/ND-CP dated 01 September 2016 which was amended and supplemented by Government’s Decree No. 18/2021/ND-CP dated 11 March 2021 have changed due to:

Do tăng/giảm số lượng biên chế của cơ quan/Increase/decrease of staff members: ………….tổng số/Total: ………..

Do đã thanh lý (tái xuất, chuyển nhượng, tiêu hủy)/Re-export, transfer, destruction of …………. xe ô tô/Automobiles; ………….xe hai bánh gắn máy/Motorcycles

Gồm/Consisting of:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. | Ô tô/Automobile | …………. Chiếc/vehicle(s) |
| 2. | Xe hai bánh gắn máy/Motorcycle | …………… Chiếc/vehicle(s) |
| 3. | Rượu/Wine, alcohol |  ………Lít/Quý/liter(s)/quarter |
| 4. | Bia/Beer |  ……….Lít/Quý/liter(s)/quarter |
| 5. | Thuốc lá/Cigarette |  ………Tút/Quý/carton(s)/quarter |

|  |  |
| --- | --- |
|   | *Hà Nội, ngày …… tháng ……. năm…….***Cục trưởng Cục Lễ tân Nhà nước**Chief of State Protocol |

**THEO DÕI ĐỊNH LƯỢNG MIỄN THUẾ MẶT HÀNG XE Ô TÔ, XE HAI BÁNH GẮN MÁY/THE QUOTA OF DUTY-FREE GOODS (AUTOMOBILE, MOTORCYCLE)**

1. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import ……..ngày/dated …………….. của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or Municipal Customs Department of………………

Số lượng/Quantity: ………..xe ô tô/Automobile(s);

                                …………xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

2. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import………..ngày/dated……….. của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or Municipal Customs Department of………………..

Số lượng/Quantity: ………..xe ô tô/Automobile(s);

                                …………xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

3. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import………..ngày/dated……. của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or Municipal Customs Department of………………..

Số lượng/Quantity: ………..xe ô tô/Automobile(s);

                                …………xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

4. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import………..ngày/dated……. của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or Municipal Customs Department of………………..

Số lượng/Quantity: ………..xe ô tô/Automobile(s);

                                …………xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

5. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import………..ngày/dated……. của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or Municipal Customs Department of………………..

Số lượng/Quantity: ………..xe ô tô/Automobile(s);

                                …………xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

6. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import………..ngày/dated……. của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or Municipal Customs Department of………………..

Số lượng/Quantity: ………..xe ô tô/Automobile(s);

                                …………xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

***Ghi chú:*** Cục Hải quan tỉnh, thành phố khi cập nhật thông tin Giấy tạm nhập khẩu tại trang này, thực hiện đóng dấu treo của đơn vị.

**BỊ CHÚ/OBSERVATION**

**Phụ lục tem rượu, bia, thuốc lá**

**Appendix on stamps of alcohol, beer and cigarettes**

1. Phụ lục gồm các loại tem để quản lý 3 mặt hàng: rượu, bia, thuốc lá/The appendix comprises stamps for the management of 3 goods: alcohol, beer and cigarettes.

2. Số Sổ định mức miễn thuế được in trên mỗi tem/The Quota book number is printed on each stamp.

3. Số lượng tem tại Phụ lục phù hợp với định lượng trong 1 năm quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)/The quantity of stamps in the Appendix is consistent with the annual quantity stipulated in Appendix I of Government’s Decree No. 134/2016/ND-CP dated 01 September 2016 and in the Decree’s amending/supplementing documents (if any).

4. Các chủng loại tem/Types of Stamps:

a) Đối với mặt hàng rượu gồm các loại tem: 0,75 lít, 1,5 lít, 2 lít, 3 lít, 4,5 lít, 6 lít, 18 lít được đánh số thứ tự trên mặt tem từ 1 đến hết số lượng tem theo từng quý/Stamps for alcohol: includes types of 0,75 liters, 1,5 liters, 2 liters, 3 liters, 4,5 liters, 6 liters, 18 liters, numbered from 1 to the maximum number as quarterly allowed.

b) Đối với mặt hàng bia gồm các loại tem: 8 lít, 12 lít, 16 lít được đánh số thứ tự từ 1 đến hết số lượng tem theo từng quý/Stamps for beer: includes types of 8 liters, 12 liters, 16 liters, numbered from 1 to the maximum number as quarterly allowed.

c) Đối với mặt hàng thuốc lá gồm loại tem: 1 tút được đánh số thứ tự từ 1 đến hết số lượng tem theo từng quý/Stamps for cigarette: includes types of 1 carton, numbered from 1 to the maximum number as quarterly allowed.

5. Tem ở quý nào chỉ có giá trị sử dụng ở quý đó/Stamp in each quarter is only valid for use in that quarter.

6. Tem này chỉ có giá trị khi xuất trình cùng với Sổ định mức miễn thuế/This stamp is only valid when presented with the Quota book.